TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/DS-PT
Ngày 09/02/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tranh chấp thừa kế"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thuỳ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 336/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tranh chấp thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2022/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 334/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lữ Lệ A, sinh năm 1952;

Cư trú tại: Số nhà 18E, Đường T, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Chị Hồ Thị Ngọc A, sinh năm 1979, cư trú tại: Số nhà 18E, Đường T, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là: Bà Nguyễn Thanh L, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:*

1. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1979;

2. Lương Gia H1, sinh năm 2015;

Cùng cư trú tại: Số 237, ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người giám hộ cho bị đơn Lương Gia H1 là: Bà Huỳnh Thị H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Lương Gia H1 là: Chị Đoàn Thị Ngọc D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lữ Lệ T, sinh năm 1956.

Cư trú tại: Số nhà 24, Đường N, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Lữ Lệ H2, sinh năm 1957;

Cư trú tại: Số nhà 04A, ấp A1, xã X, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lữ Lệ H2 là: Chị Hồ Thị Ngọc A, sinh năm 1979, cư trú tại: Số nhà 18E, Đường T, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lữ Lệ H2 là: Bà Nguyễn Thanh L, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

3. Bà Lữ Thị Thu T1, sinh năm 1970;

Cư trú tại: Ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lữ Lệ A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lữ Lệ T, bà Lữ Lệ H2, bà Lữ Thị Thu T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lữ Lệ A và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp thửa 221 (thửa 912 cũ), tờ bản đồ số 07 và thửa 97 (thửa 1105 và 1106 cũ), tờ bản đồ số 13 do cụ Lương Văn B và cụ Trần Thị Đ để lại cho con là cụ Lương Văn T2 và cụ Lữ Thị B1 từ năm 1960. Năm 1994, cụ T2 kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình chung sống, cụ T2 và Cụ B1 có 05 người con là Lữ Lệ A, Lữ Lệ T, Lữ Lệ H2, Lữ Thị Thu T1 và Lương Văn V. Năm 1998, Cụ B1 chết không để lại di chúc, cụ T2 tiếp tục sử dụng 02 thửa đất nêu trên.

Năm 2017, ông V tự ý lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng 02 thửa đất nêu trên và đưa cho cụ T2 ký tên mà không có sự đồng ý của những người đồng thừa kế của cụ B1. Năm 2018, cụ T2 chết. Năm 2019, ông V chết. Hiện tại 02 thửa đất nêu trên cùng các tài sản trên đất do vợ ông V là bà Huỳnh Thị H trực tiếp sử dụng. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 27/10/2017 giữa cụ T2 và ông V đối với thửa đất số 221, tờ bản đồ 07 và thửa đất số 97, tờ bản đồ số 13.

- Chia thừa kế theo pháp luật thửa đất số 221, tờ bản đồ số 07 và thửa đất số 97, tờ bản đồ số 13 cùng cây trồng, căn nhà và một số vật dụng thờ cúng (03 tủ thờ, 02 tủ kính, 01 bộ salon gỗ, 03 bộ bàn ghế cây (02 mặt đá + 01 mặt kính), 02 bàn tròn cây, 01 bàn bán nguyệt, 01 giường hộp đôi cây, 02 giường cây, 01 tủ sắt sơn và 01 tủ cây) cho những người thuộc hàng thừa kế của cụ T2 và Cụ B1 là Lữ Lệ A, Lữ Lệ T, Lữ Lệ H2, Lữ Thị Thu T1 và Lương Văn V.

- Đối với đất: Bà A yêu cầu giao thửa 97, tờ bản đồ 13 cho bà và bà H2, thửa 221, tờ bản đồ 07 giao cho các đồng thừa kế khác. Người nào nhận diện tích đất có giá trị cao hơn so với kỷ phần thừa kế được nhận có nghĩa vụ hoàn lại giá trị chênh lệch bằng tiền cho các đồng thừa kế.

- Đối với nhà: Bà A yêu cầu giao căn nhà xây dựng trên thửa 97, tờ bản đồ 13 cho bà và bà H2 và đồng ý hoàn lại giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế.

- Đối với vật dụng trong nhà: Cụ T2 và Cụ B1 để lại 03 tủ thờ, 02 tủ kính, 01 bộ salon gỗ, 03 bộ bàn ghế cây (02 mặt đá + 01 mặt kính), 02 bàn tròn cây, 01 bàn bán nguyệt, 01 giường hộp đôi cây, 02 giường cây, 01 tủ sắt sơn và 01 tủ cây để dùng vào việc thờ cúng. Bà A yêu cầu giao tất cả các vật dụng này cho bà và bà H2 để thờ cúng và đồng ý hoàn lại giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế.

- Đối với cây trồng: Trên thửa 97, tờ bản đồ 13 cụ T2 và cụ B1 trồng 09 cây dừa trên 09 năm tuổi, 50 cây dừa trên 03 năm tuổi, 40 cây bưởi da xanh trên 09 năm tuổi và 12 cây măng cụt trên 10 năm tuổi. Ông V trồng 20 cây dừa trên 03 năm tuổi và 20 cây bưởi da xanh trên 09 năm tuổi. Bà A yêu cầu giao các cây trồng do cụ T2, cụ B1 trồng cho bà và bà H2 và đồng ý hoàn lại giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế. Đối với các cây trồng do ông V trồng, bà A yêu cầu giao cho bà và bà H2 và đồng ý hoàn lại giá trị bằng tiền cho bà H2.

- Đề nghị Tòa án kiến nghị cơ quan chức năng điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 221, tờ bản đồ 07 và thửa 97, tờ bản đồ 13 cho phù hợp sau khi chia thừa kế.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lữ Lệ H2 trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời bà có yêu cầu độc lập như sau:

- Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 27/10/2017 giữa cụ T2 và ông V đối với thửa 221 tờ bản đồ 07 và thửa 97 tờ bản đồ 13.

- Chia thừa kế theo pháp luật thửa 221 tờ bản đồ 07 và thửa 97 tờ bản đồ 13 cùng cây trồng, căn nhà và một số vật dụng thờ cúng (03 tủ thờ, 02 tủ kiếng, 01 bộ salon gỗ, 03 bộ bàn ghế cây (02 mặt đá + 01 mặt kiếng), 02 bàn tròn cây, 01 bàn bán nguyệt, 01 giường hộp đôi cây, 02 giường cây, 01 tủ sắt sơn và 01 tủ cây) cho những người thuộc hàng thừa kế của cụ T2 và cụ B1 là Lữ Lệ A, Lữ Lệ T, Lữ Lệ H2, Lữ Thị Thu T1 và Lương Văn V.

- Đối với đất: Bà H2 yêu cầu giao thửa 97 tờ bản đồ 13 cho bà và bà A, thửa 221 tờ bản đồ 07 giao cho các đồng thừa kế khác. Đương sự nào nhận diện tích đất có giá trị cao hơn so với kỹ phần thừa kế được nhận thì có nghĩa vụ hoàn lại giá trị chênh lệch bằng tiền cho các đồng thừa kế.

- Đối với nhà: Bà H2 yêu cầu giao căn nhà xây dựng trên thửa 97 tờ bản đồ 13 cho bà và bà A và đồng ý hoàn lại giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế.

- Đối với vật dụng trong nhà: Cụ T2 và cụ B1 để lại 03 tủ thờ, 02 tủ kiếng, 01 bộ salon gỗ, 03 bộ bàn ghế cây (02 mặt đá + 01 mặt kiếng), 02 bàn tròn cây, 01 bàn bán nguyệt, 01 giường hộp đôi cây, 02 giường cây, 01 tủ sắt sơn và 01 tủ cây để dùng vào việc thờ cúng. Bà H2 yêu cầu giao tất cả các vật dụng này cho bà và bà A để thờ cúng và đồng ý hoàn lại giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế.

- Đề nghị Tòa án kiến nghị cơ quan chức năng điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 221, tờ bản đồ 07 và thửa 97, tờ bản đồ 13 cho phù hợp sau khi chia thừa kế.

Theo các lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn bà Huỳnh Thị H và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:

Bà H2 là vợ của ông Lương Văn V. Hiện tại, bà cùng con trai Lương Gia H1 là người thừa kế duy nhất của ông V và là người trực tiếp sử dụng thửa 221, tờ bản đồ 07 và thửa 97, tờ bản đồ 13 cùng toàn bộ tài sản trên đất.

Nguồn gốc đất tranh chấp thửa 221 (thửa 912 cũ), tờ bản đồ 07 và thửa 97 (thửa 1105 và 1106 cũ), tờ bản đồ 13 do ông bà nội ông V là cụ Lương Văn B và cụ Trần Thị Đ để lại cho cha mẹ ông V là cụ Lương Văn T2 và cụ Lữ Thị B1. Năm 1998, cụ B1 chết không để lại di chúc. Ngày 10/7/2017, cụ T2 cùng các con là Lữ Lệ A, Lữ Lệ T, Lữ Lệ H2, Lữ Thị Thu T1 và Lương Văn V lập "Bản đồng thuận" với nội dung cụ T2 cùng các con đồng ý cho ông V thửa 912 (nay là thửa 221, tờ bản đồ 07) và đồng ý giao thửa 1105, 1106 (nay là thửa 97, tờ bản đồ 13) dùng làm

đất hương hỏa thờ cúng tổ tiên, ông bà (thuộc sở hữu chung của các con). Thửa đất hương hỏa này ông V không được sang nhượng, cầm cố hoặc cho biếu bất kỳ ai. Trên cơ sở văn bản thỏa thuận này, cụ T2 đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa 221, tờ bản đồ 07 và thửa 97, tờ bản đồ 13 nên ngày 21/11/2017 ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 thửa đất nêu trên. Từ khi cụ T2 tặng cho (ngày 27/10/2017) đến khi cụ T2 chết (ngày 06/7/2018) cũng như trước khi ông V chết (ngày 26/4/2019) không có bất kỳ ai trong gia đình có ý kiến hay khiếu nại về việc tặng cho. Chỉ sau khi ông V chết, các chị của ông V mới tranh chấp cho rằng việc tặng cho là không phù hợp. Bà H khẳng định việc tặng cho là hoàn toàn phù hợp vì có sự đồng thuận của tất cả các con. Do tài sản tranh chấp là của ông V chứ không còn là di sản thừa kế của cụ T2 và cụ B1 nên bà H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trước đây bà H có yêu cầu nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu chia thừa kế thì phải hoàn trả chi phí tu bổ, sửa chữa nhà cho mình với số tiền 96.500.000 đồng nhưng hiện tại bà H đã rút lại yêu cầu này. Bà H tự nguyện chịu số tiền 2.381.000 đồng để yêu cầu thu thập chứng cứ.

Đối với căn nhà xây dựng trên thửa 97, tờ bản đồ 13: Bà H thừa nhận đây là tài sản do cụ T2 và Cụ B1 để lại nhưng không đồng ý chia vì đây là di sản dùng vào việc thờ cúng.

Đối với vật dụng trong nhà: Bà H thừa nhận cụ T2 và Cụ B1 có để lại 03 tủ thờ, 02 tủ kính, 01 bộ salon gỗ, 03 bộ bàn ghế cây (02 mặt đá + 01 mặt kính), 02 bàn tròn cây, 01 bàn bán nguyệt, 01 giường hộp đôi cây, 02 giường cây, 01 tủ sắt sơn và 01 tủ cây để dùng vào việc thờ cúng ông bà. Do đây là di sản dùng vào việc thờ cúng nên bà H không đồng ý chia thừa kế.

Đối với cây trồng: Trên thửa 97, tờ bản đồ 13 ông V trồng 09 cây dừa 09 năm tuổi, 70 cây dừa 03 năm tuổi, 60 cây bưởi da xanh 09 năm tuổi và 12 cây măng cụt 10 năm tuổi. Do đó, bà H không đồng ý chia thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lữ Lệ T và bà Lữ Thị Thu T1 trình bày:

Bà T và bà T1 thống nhất lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời bà T và bà T1 có yêu cầu độc lập như sau: Yêu cầu chia thừa kế thửa đất 221, tờ bản đồ 07 và yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế theo quy định pháp luật. Bà T và bà T1 khẳng định không yêu cầu chia thừa kế thửa 97 tờ bản đồ 13 cùng toàn bộ tài sản trên đất.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện C đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2022/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ T, bà Lữ Lệ H2, bà Lữ Thị Thu T1 về việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 27/10/2017 giữa cụ Lương Văn T2 và ông Lương Văn V đối với thửa đất số 221, tờ bản đồ số 07 và thửa đất số 97, tờ bản đồ số 13, cùng tọa lạc tại xã X, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lữ Lệ A về việc chia thừa kế thửa đất số 221, tờ bản đồ số 07 và thửa đất số 97, tờ bản đồ số 13, cùng tọa lạc tại xã X, huyện C, tỉnh Bến Tre; chia thừa kế cây trồng trên thửa đất số 97, tờ bản đồ số 13 cũng như tài sản dùng vào việc thờ cúng gồm: 03 tủ tờ, 02 tủ kiếng, 01 bộ salon gỗ, 03 bộ bàn ghế cây (02 mặt đá + 01 mặt kiếng), 02 bàn tròn cây, 01 bàn bán nguyệt, 01 giường hộp đôi cây, 02 giường cây, 01 tủ sắt sơn và 01 tủ cây.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lữ Lệ T và bà Lữ Thị Thu T1 về việc chia thừa kế thửa đất số 221, tờ bản đồ số 07.

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lữ Lệ H2 về việc chia thừa kế thửa đất số 221, tờ bản đồ số 07 và thửa đất số 97, tờ bản đồ số 13 cũng như tài sản dùng vào việc thờ cúng gồm: 03 tủ tờ, 02 tủ kiếng, 01 bộ salon gỗ, 03 bộ bàn ghế cây (02 mặt đá + 01 mặt kiếng), 02 bàn tròn cây, 01 bàn bán nguyệt, 01 giường hộp đôi cây, 02 giường cây, 01 tủ sắt sơn và 01 tủ cây.

5. Chấp nhận yêu cầu của bà Lữ Lệ A và bà Lữ Lệ H2 về việc chia thừa kế căn nhà xây dựng trên thửa đất số 97, tờ bản đồ số 13.

Cụ thể tuyên:

Bà Huỳnh Thị H và cháu Lương Gia H1 là người thừa kế của ông Lương Văn V tiếp tục quản lý thửa đất số 221, tờ bản đồ số 07 và thửa đất số 97, tờ bản đồ số 13 cùng cây trồng và căn nhà xây dựng trên thửa đất số 97, tờ bản đồ số 13 để thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật về thừa kế đối với tài sản nêu trên.

Bà Huỳnh Thị H có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Lữ Lệ A và bà Lữ Lệ H2 mỗi người số tiền 71.534.000 đồng (bảy mươi mốt triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Bà Huỳnh Thị H và cháu Lương Gia H1 được tiếp tục quản lý 03 tủ tờ, 02 tủ kiếng, 01 bộ salon gỗ, 03 bộ bàn ghế cây (02 mặt đá + 01 mặt kiếng), 02 bàn tròn cây, 01 bàn bán nguyệt, 01 giường hộp đôi cây, 02 giường cây, 01 tủ sắt sơn và 01 tủ cây để dùng vào việc thờ cúng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/9/2022, nguyên đơn bà Lữ Lệ A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lữ Lệ H2 kháng cáo yêu cầu sửa bản án dân sự sơ

thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Lữ Lệ H2.

Ngày 14/9/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lữ Thị Thu T1 kháng cáo; ngày 25/9/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lữ Lệ T kháng cáo với cùng nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chia thừa kế thửa đất số 221, tờ bản đồ số 07 và yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ H2 thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo như sau: Bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ H2 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm, huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 27/10/2017 đối với thửa đất 97, tờ bản đồ 13, yêu cầu xác định thửa 97 là tài sản chung của bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ H2, bà Lữ Lệ T, bà Lữ Thị Thu T1 và ông Lương Văn V, không yêu cầu phân chia thửa đất 97, không yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ B1 và cụ T2 là ngôi nhà, vật dụng trong nhà trên thửa 97, tờ bản đồ 13 cùng cây trồng trên đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lữ Lệ T và bà Lữ Thị Thu T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ T, bà Lữ Lệ H2, bà Lữ Thị Thu T1. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Thửa đất 221, tờ bản đồ 07 và thửa 97, tờ bản đồ 13, cùng tọa lạc tại xã X, huyện C, tỉnh Bến Tre được các bên đương sự thống nhất là của cụ Lương Văn T2 và cụ Lữ Thị B1. Phía bị đơn cũng thừa nhận nội dung theo Bản đồng thuận ngày 10/7/2017, theo đó cụ T2 được toàn quyền quản lý sử dụng thửa 221, tờ bản đồ 07 còn thửa 97, tờ bản đồ 13 là tài sản chung của các con nên việc cụ T2 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 97 cho ông Lương Văn V là không phù hợp quy định pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ T, bà Lữ Lệ H2, bà Lữ Thị Thu T1. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn diện, khách quan các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, áp dụng Điều 645 Bộ luật Dân sự 2015 để xác định phần thửa 97, tờ bản đồ 13 là di sản được dùng vào việc thờ cúng theo di chúc để không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn; đồng thời lại giao cho bà H và cháu Lương Gia H1 tiếp tục quản lý sử dụng và thực hiện thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất đối với thửa 97 là không phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía bà A và bà H2 chỉ yêu cầu giải quyết huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 27/10/2017 đối với thửa đất 97, tờ bản đồ 13, yêu cầu xác định thửa 97 là tài sản chung của bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ H2, bà Lữ Lệ T, bà Lữ Thị

Thu T1 và ông Lương Văn V, không yêu cầu phân chia thửa đất 97, không yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ B1 và cụ T2 là ngôi nhà, vật dụng trong nhà trên thửa 97, tờ bản đồ 13 cùng cây trồng trên đất là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ T, bà Lữ Lệ H2, bà Lữ Thị Thu T1, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Lương Gia H1 trình bày:

Phần đất tranh chấp thuộc thửa 221, tờ bản đồ 07 và 97, tờ bản đồ 13, cùng tọa lạc tại xã X, huyện C, tỉnh Bến Tre có nguồn gốc của cụ Lương Văn T2, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân cụ T2 từ năm 1994 nhưng không ai khiếu nại hay ý kiến gì. Năm 2017, cụ T2 tự nguyện lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Lương Văn V có sự đồng thuận không phản đối của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên việc tặng cho quyền sử dụng đất tranh chấp giữa cụ T2 với ông V là hoàn toàn hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án, giải quyết vụ việc phù hợp với thực tế khách quan. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Lữ Lệ A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lữ Lệ H2, không chấp nhận kháng cáo của bà Lữ Lệ T, bà Lữ Thị Thu T1, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ H2, bà Lữ Lệ T và bà Lữ Thị Thu T1;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất tranh chấp thuộc thửa 221, tờ bản đồ số 07, diện tích 4447m^2 và thửa đất số 97, tờ bản đồ số 13, diện tích 4802,7m^2 (qua đo đạc thực tế có diện tích 4610,1m^2); các thửa đất cùng tọa lạc tại xã X, huyện C, tỉnh Bến Tre hiện do ông Lương Văn V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về nguồn gốc phần đất tranh chấp được các bên đương sự thống nhất trình bày là của cha mẹ để lại cho cụ Lương Văn T2 và cụ Lữ Thị B1. Năm 1994, cụ T2 được Uỷ ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày

27/10/2017, cụ T2 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 221 và 97 cho ông Lương Văn V và ông V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/11/2017. Bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ T, bà Lữ Lệ H2 cho rằng phần đất tranh chấp là tài sản chung của cụ T2 và cụ B1, việc cụ T2 lập hợp đồng tặng cho toàn bộ hai thửa đất tranh chấp cho ông V là không phù hợp nên khởi kiện yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho được ký ngày 27/10/2017 giữa cụ T2 và ông V, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với hai thửa đất 221 và 97 cùng các công trình, tài sản trên đất. Bị đơn bà Huỳnh Thị H cho rằng việc ông V được cụ T2 tặng cho quyền sử dụng đất tranh chấp là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật, nay ông V đã hi sinh, bà H và cháu Lương Gia H1 là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông V nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét thấy, phần đất tranh chấp thuộc thửa 221, tờ bản đồ số 7 và thửa 97, tờ bản đồ số 13, cùng tọa lạc tại xã X, huyện C, tỉnh Bến Tre có nguồn gốc của cha mẹ của cụ T2 cho vợ chồng cụ T2 và cụ B1 khi kết hôn năm 1950, hai cụ đã quản lý sử dụng đất từ năm 1950 đến khi cụ B1 chết năm 1998. Năm 1990, cụ T2 thực hiện đăng ký, kê khai trong trên hồ sơ địa chính và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994. Căn cứ Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 quy định "*Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới"* và tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định *" Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ chồng tạo ra, thu nhập về nghề nghiệp và những thu nhập hợp pháp khác của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung"*. Mặc dù, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tranh chấp được cấp cho cá nhân cụ T2; tuy nhiên đối chiếu các quy định nêu trên, có căn cứ để xác định phần đất thuộc thửa 221 và thửa 97 là tài sản chung của cụ T2 và cụ B1.

Năm 1998, cụ B1 chết không để lại di chúc nên phát sinh quyền thừa kế theo pháp luật đối với ½ khối tài sản chung của cụ T2 và cụ B1. Theo đó ½ tài sản trong khối tài sản chung sẽ được phân chia cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ B1 gồm có: Cụ Lương Văn T2, bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ H2, bà Lữ Lệ T, bà Lữ Thị Thu T1 và ông Lương Văn V.

[3] Tuy nhiên, các đương sự thừa nhận ngày 10/7/2017 cụ T2 cùng các đồng thừa kế của cụ B1 đã lập Bản đồng thuận thống nhất với nội dung cụ T2 có đứng tên hai thửa đất 221 và 97 (thửa cũ là 921 và 1105, 1106), thửa 221 là tài sản của cụ T2, còn thửa 97 được cụ T2 xác định là tài sản chung của các con gồm: bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ H2, bà Lữ Lệ T, bà Lữ Thị Thu T1 và ông Lương Văn V. Như vậy, mặc dù không đề cập trực tiếp đến việc phân chia tài sản chung, cũng như phân chia di sản thừa kế nhưng qua văn bản đồng thuận thể hiện các đồng thừa kế của cụ B1 thống

nhất phân chia di sản của cụ B1 trong khối tài sản chung với cụ T2, theo đó cụ T2 nhận thửa 221 là tài sản của cụ trong khối tài sản chung, còn lại thửa 97 là di sản của cụ B1. Lẽ ra, khi phần thửa 97 là di sản của cụ B1 thì cụ T2 là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng 01 suất thừa kế theo pháp luật. Tuy nhiên, cụ T2 lại xác định phần thửa 97 là tài sản chung của các con nên xét về mặt ý chí thể hiện đây sự tự nguyện của cụ T2 khi phân chia phần thửa 97 cho các con nhận thừa kế của cụ B1, đồng sở hữu và toàn quyền định đoạt nên qua đó có đủ căn cứ để khẳng định phần đất thửa 97 là di sản thừa kế của cụ B1 chưa chia cho các đồng thừa kế bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ H2, bà Lữ Lệ T, bà Lữ Thị Thu T1 và ông Lương Văn V, được những người đồng thừa kế thoả thuận thống nhất là tài sản chung của bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ H2, bà Lữ Lệ T, bà Lữ Thị Thu T1 và ông Lương Văn V.

[4] Như vậy, thửa 221, tờ bản đồ số 7 là tài sản của cụ T2, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ nên ngày 27/10/2017 cụ T2 lập hợp đồng tặng cho ông Lương Văn V toàn bộ phần đất này là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật nên việc nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thuộc thửa 221 để chia thừa kế theo pháp luật của cụ T2 và cụ B1 là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với thửa 97, như đã phân tích ở trên là tài sản chung của bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ H2, bà Lữ Lệ T, bà Lữ Thị Thu T1 và ông Lương Văn V theo thoả thuận tại Bản đồng thuận 10/7/2017. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm cho rằng bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ H2, bà Lữ Lệ T, bà Lữ Thị Thu T1 thống nhất giao cho ông Lương Văn V phần đất thửa 97 và căn cứ Điều 645 Bộ luật Dân sự 2015 để xác định rằng phần thửa 97 là di sản dùng vào việc thờ cúng, không được phân chia thừa kế, do đó không chấp nhận yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa 97 và không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của đương sự là không có cơ sở. Bởi lẽ, Điều 645 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: "Trường hợp người lập di chúc để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng thì phần di sản đó không được chia thừa kế và được giao cho người đã được chỉ định trong di chúc quản lý để thực hiện việc thờ cúng; nếu người được chỉ định không thực hiện đúng di chúc hoặc không theo thỏa thuận của những người thừa kế thì những người thừa kế có quyền giao phần di sản dùng vào việc thờ cúng cho người khác quản lý để thờ cúng. Trường hợp người để lại di sản không chỉ định người quản lý di sản thờ cúng thì những người thừa kế cử người quản lý di sản thờ cúng". Như vậy, cụ B1 chết không để lại di chúc nên phần di sản thuộc thửa 97 được các đồng thừa kế xác định là tài sản chung của các con cụ B1 nên phần thửa 97 không phải là di sản được dùng vào việc thờ cúng theo di chúc như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định.

[5] Theo Bản đồng thuận ngày 10/7/2017 có nội dung "Các con tôi cùng đồng thuận giao lại cho Lương Văn V đứng tên canh tác, thừa hưởng, đồng thời các trách

nhiệm thờ cúng Tổ tiên, Ông bà. Thửa đất hương quả này không được sang nhượng, cầm cố hoặc cho biếu... bất cứ ai". Quá trình tố tụng bà A, bà T, bà H2, bà T1 xác định việc đồng ý để ông V canh tác, thừa hưởng huê lợi trên đất thửa 97 để thực hiện cúng giỗ tổ tiên, ông bà nhưng không đồng ý việc tặng cho ông V toàn bộ thửa đất 97; lời trình bày này phù hợp với nội dung của Bản đồng thuận. Ngoài ra, Bản đồng thuận ngày 10/7/2017 có một nội dung được xác định riêng biệt với nội dung ở trên là "thửa đất hương quả này không được sang nhượng, cầm cố, cho biếu bất cứ ai". Như vậy, toàn bộ nội dung bản đồng thuận không thể hiện ý chí của bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ H2, bà Lữ Lệ T, bà Lữ Thị Thu T1 về việc đồng ý tặng cho phần đất này cho ông Lương Văn V được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc cụ T2 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 97 cho ông Lương Văn V để ông Lương Văn V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ H2, bà Lữ Lệ T, bà Lữ Thị Thu T1, do vậy yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 27/10/2017 đối với thửa đất 97, tờ bản đồ 13 của bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ H2 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Tại phiên toà phúc thẩm, phía bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ H2 thống nhất yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 27/10/2017 đối với thửa đất 97 và xác định thửa 97 là tài sản chung của bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ H2, bà Lữ Lệ T, bà Lữ Thị Thu T1 và ông Lương Văn V; đồng thời rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia thừa kế là thửa đất 97, không yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ B1 và cụ T2 là ngôi nhà, vật dụng trong nhà trên thửa 97 cùng cây trồng trên đất và phía bị đơn cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 299 Bộ luật Tố tụng Dân sự hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu chia thừa kế là thửa đất 97, chia di sản thừa kế của cụ B1 và cụ T2 là ngôi nhà, vật dụng trong nhà trên thửa 97 cùng cây trồng trên đất của bà A, bà H2.

Từ những nhận định nêu trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lữ Lệ A và bà Lữ Lệ H2; không chấp nhận kháng cáo của bà Lữ Lệ T và bà Lữ Thị Thu T1; hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu chia thừa kế là thửa đất 97, chia di sản thừa kế của cụ B1 và cụ T2 là ngôi nhà, vật dụng trong nhà trên thửa 97 cùng cây trồng trên đất của bà A, bà H2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2022/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng:

Bà Huỳnh Thị H tự nguyện chịu số tiền 2.381.000 đồng (hai triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn đồng) và đã nộp xong.

Bà Lữ Lệ A tự nguyện chịu số tiền 10.420.000 đồng (mười triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) và đã nộp xong.

[8] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ T và bà Lữ Lệ H2 là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Bà Lữ Thị Thu T1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.893.000 đồng (mười triệu tám trăm chín mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000150 ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Hoàn trả lại cho bà Lữ Thị Thu T1 số tiền còn lại là 10.593.000 đồng (mười triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ H2, bà Lữ Lệ T và bà Lữ Thị Thu T1 không phải chịu án phí.

Bà Lữ Thị Thu T1 phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006690 ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 299, khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Hủy và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lữ Lệ A và yêu cầu độc lập của bà Lữ Lệ H2 đối với yêu cầu chia thừa kế là thửa đất 97, tờ bản đồ 13, tọa lạc tại xã X, huyện C, tỉnh Bến Tre và yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ B1 và cụ T2 là ngôi nhà trên thửa 97, tờ bản đồ 13, tọa lạc tại xã X, huyện C, tỉnh Bến Tre cùng cây trồng trên đất.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Lữ Lệ A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lữ Lệ H2;

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lữ Lệ T và bà Lữ Thị Thu T1.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2022/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ các Điều 357, 468, 500, 501, 502, 503, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5, 166, 202, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ H2, bà Lữ Lệ T và bà Lữ Thị Thu T1 về việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 27/10/2017 giữa cụ Lương Văn T2 và ông Lương Văn V đối với thửa đất số 221, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại xã X, huyện C, tỉnh Bến Tre và yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 221, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại xã X, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ H2, bà Lữ Lệ T và bà Lữ Thị Thu T1 về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 27/10/2017 giữa cụ Lương Văn T2 và ông Lương Văn V đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã X, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 27/10/2017 giữa cụ Lương Văn T2 và ông Lương Văn V đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã X, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ H2, bà Lữ Lệ T, bà Lữ Thị Thu T1 và những người thừa kế theo pháp luật của ông Lương Văn V gồm bà Huỳnh Thị H, cháu Lương Gia H1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa số 97, diện tích qua đo đạc thực tế là 4802,7m^2, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã X, huyện C, tỉnh Bến Tre (có họa đồ kèm theo).

Đương sự được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục để được xem xét điều chỉnh, cấp lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự theo quyết định của bản án khi đương sự có yêu cầu.

3. Về chi phí tố tụng:

Bà Huỳnh Thị H tự nguyện chịu số tiền 2.381.000 đồng (hai triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn đồng) và đã nộp xong.

Bà Lữ Lệ A tự nguyện chịu số tiền 10.420.000 đồng (mười triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) và đã nộp xong.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ T và bà Lữ Lệ H2 là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Bà Lữ Thị Thu T1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.893.000 đồng (mười triệu tám trăm chín mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000150 ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Hoàn trả lại cho bà Lữ Thị Thu T1 số tiền còn lại là 10.593.000 đồng (mười triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lữ Lệ A, bà Lữ Lệ H2, bà Lữ Lệ T và bà Lữ Thị Thu T1 không phải chịu án phí.

Bà Lữ Thị Thu T1 phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai Thu T1ạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006690 ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hương